

Bản án số: 216/2024/DS-PT

Ngày 15 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đinh Cẩm Đào

**Các Thẩm phán:** Bà Châu Minh Hoàng

Bà Hoàng Thị Hải Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 4 và ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 124/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 519/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị t, huyện T, tỉnh C .;

**Người đại diện theo ủy quyền của bà L:** Ông Huỳnh Minh Nhựt, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 3, phường 6, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1958

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh C .;

**Người đại diện theo ủy quyền của ông N:** Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp Tân Long B, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

*Trình bày của bà L nguyên đơn và người đại diện:* Bà L trình bày tại biên bản đối chất ngày 30/8/2023, cho rằng ông N là cậu ruột của bà. Khoảng năm 2010, ông N do làm ăn thua lỗ, nợ nhiều người nên đến nhờ bà hỏi vay tiền dùm để trang trải nợ nần. Bởi vì, bà L làm việc Ngân hàng Chính sách huyện Thới Bình nên có mối quan hệ và quan biết nhiều người. Việc bà hỏi vay tiền của người khác và khi đưa tiền cho cậu Nguyễn không có viết biên nhận. Sau nhiều lần hỏi vay dùm thì cậu Nguyễn có trả vốn và lãi đầy đủ. Tuy ông N thanh toán đầy đủ nhưng mỗi lần thanh toán rất khó khăn, vợ ông N nói ngang rất khó nghe.

Đến năm 2011, nhiều lần ông N có đến nhờ bà hỏi vay tiền dùm để đưa cho ông N trả nợ người khác. Nhiều lần, thấy số tiền lớn nên sợ ông N không trả vốn và lãi nên yêu cầu viết các biên nhận của những lần vay tiền và chốt nợ tiền hụi, tổng cộng là 10 biên nhận (các ngày 12/01/2011 vay số tiền 220.000.000đ; biên nhận ngày 26/01/20211 vay số tiền 180.000.000đ; biên nhận ngày 03/02/2011 vay số tiền 120.000.000đ; biên nhận ngày 15/02/2011 vay số tiền 150.000.000đ; biên nhận ngày 02/3/2011 vay số tiền 40.000.000đ; biên nhận ngày 09/3/2011 vay số tiền 213.000.000đ; biên nhận ngày 11/3/2011 vay số tiền 160.000.000đ; biên nhận ngày 24/3/2011 vay số tiền 30.000.000đ; biên nhận ngày 29/3/2011 vay số tiền 191.000.000đ và biên nhận chốt nợ hụi ngày 03/4/2011 số tiền 112.000.000đ), tổng cộng số tiền của 10 biên nhận nợ là 1.416.000đ để làm cơ sở. Đến nay, ông N không thanh toán khoảng nợ trên nên bà L yêu cầu giải quyết buộc ông N phải thanh toán nợ cho bà để lo cho gia đình.

*Trình bày của ông N là bị đơn và người đại diện:* Ông N xác định là cậu ruột của bà L. Do làm ăn thua lỗ ông có nhờ Lel hỏi vay tiền dùm nhiều lần số tiền lớn đến vài trăm triệu, không nhớ rõ là bao nhiêu, hàng tháng ông cũng có gửi tiền cho bà L đóng lãi khoảng vài chục triệu cũng không nhớ rõ là bao nhiêu, vì là cậu cháu nên không có viết biên nhận.

Đến khoảng năm 2006, ông có cố đất được 07 lượng vàng để trả nợ cho Lel xong không còn khoảng nợ nào.

Đối với 10 biên nhận, các ngày 12/01/2011 vay số tiền 220.000.000đ; biên nhận ngày 26/01/20211 vay số tiền 180.000.000đ; biên nhận ngày 03/02/2011 vay số tiền 120.000.000đ; biên nhận ngày 15/02/2011 vay số tiền 150.000.000đ; biên nhận ngày 02/3/2011 vay số tiền 40.000.000đ; biên nhận ngày 09/3/2011 vay số tiền 213.000.000đ; biên nhận ngày 11/3/2011 vay số tiền 160.000.000đ; biên nhận ngày 24/3/2011 vay số tiền 30.000.000đ; biên nhận ngày 29/3/2011 vay số tiền 191.000.000đ và biên nhận chốt nợ hụi ngày 03/4/2011 số tiền 112.000.000đ bằng tổng số tiền 1.416.000.000đ mà bà L đưa cho ông ký nhận vào khoảng tháng 4 năm 2017 với mục đích để bà L làm cơ sở chuyển công tác vì bà L nói đang nợ nhiều người nên không chuyên công tác được. Ông N xác định, ông chỉ ký biên nhận do bà L nhờ để làm cơ sở chuyển công tác, ông không có nợ của bà L theo 10 biên nhận trên với số tiền 1.416.000.000đ nên ông không đồng ý thanh toán theo yêu cầu của bà L.

Đồng thời, ông N có đơn yêu cầu (gửi qua đường bưu chính vào ngày 13/9/2023) với nội dung yêu cầu giám định thời điểm mà ông N ký nhận nợ của 10

biên nhận với số tiền 1.416.000.000đ vào thời điểm năm 2011 hay năm 2017 để làm cơ sở xác định là ông không có nợ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 124/2023/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Thành N.

Buộc ông Nguyễn Thành N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 1.416.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm mười sáu triệu đồng).

*Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.*

Ngày 30/10/2023, bị đơn là ông Nguyễn Thành N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận ông D cho rằng: Do mối quan hệ gia đình nên ông N đã tin tưởng bà L mà ký dùm các biên nhận nêu trên, bà L cho rằng bản thân nợ nhiều người nhưng muốn chuyển công tác đi nơi khác nên mới nhờ ông N ký các biên nhận để bà L đối phó với các chủ nợ. Sự việc diễn ra năm 2017, không phải là năm 2011 như bà L ghi trong biên nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Bà L khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán số tiền vay là 1.416.000.000đ, ông N không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên ông N kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L căn cứ vào 10 biên nhận nợ có chữ ký trong biên nhận là của ông N để yêu cầu ông N thanh toán số tiền 1.416.000.000 đồng. ông N xác định năm 2017 ông có ký 10 biên nhận trên là do bà L nhờ ký dùm để làm căn cứ chuyển công tác vì thời điểm này bà L còn nợ nhiều người.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa ngày 17/01/2024 bà L xác định 10 biên nhận trên do bà là người viết và ông N ký tên khi bà giao tiền cho ông N và ký tại chòi vuông do ông N thuê ở ấp Huỳnh Nuôi, xã Biển Bạch Đông.

Toà án đã ngừng phiên toà để xác minh về chòi ruộng ông N thuê, ông Nguyễn Hoàng Phương trình bày, ông Phương có cho ông N thuê ruộng từ năm 2017 đến năm 2020, khi thuê có làm hợp đồng nhưng hiện nay không còn.

[3.2] Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ngày 17/01/2024 và phiên toà sơ thẩm, lời trình bày của bà L có nhiều mâu thuẫn như tại cấp phúc thẩm bà L xác định tiền đưa cho ông N là nguồn tiền của bà và vay của người khác, biên nhận được viết tại thời điểm đưa tiền, ghi tại nhà ông N, còn tiền hụi thì ghi tại chòi ruộng. Nhưng tại biên bản đối chất ngày 30/8/2023 và biên bản phiên toà ngày 18/10/2023 bà L xác định, vay tiền dùm ông N từ năm 2010, không viết biên nhận đến năm 2011, bà có làm biên nhận của các lần vay và hụi cho ông N ký tên, ký tại chòi ruộng của ông N. Số tiền 1.416.000.000 đồng bà L mượn tiền dùm ông N và bà L đã bán nhà trả nợ thay cho ông N xong.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: 10 biên nhận ghi năm 2011 là chữ ký của ông N, các đương sự thừa nhận các biên nhận trên được ông N ký tên tại chòi ruộng của ông N thuê tại ấp Huỳnh Nuôi. Như vậy, việc ký biên nhận diễn ra năm 2017 vì thời điểm này ông N mới thuê ruộng của ông Phương.

Quá trình Toà án làm việc bà L không trình bày được những người bà đã vay tiền dùm cho ông N, bà L chỉ xác định đã bán nhà để trả nợ thay cho ông N nhưng khi Toà án làm việc với người trực tiếp quản lý nhà của bà L là bà Nguyễn Thị Minh, bà Minh xác định năm 2016 bà có nhận chuyển nhượng phần nhà và đất (đất bảo lưu nên không có giấy chứng nhận) của bà L, ông Khải. Do bà L thiếu nợ nhiều người vào khoảng năm 2014, 2015 bà L giao căn nhà trên cho bà để trừ số tiền 350 triệu đồng, bà L còn nợ lại bà 650 triệu đồng đến nay chưa trả, do bà không biết bà L ở đâu nên chưa yêu cầu số tiền trên.

Toà án làm việc với ông Lư Tấn Khải là chồng của bà L trước đây, đến năm 2018, bà L và ông Khải ly hôn, ông Khải xác định không biết gì về số tiền ông N nợ bà L. Ông Khải cũng không liên quan, không yêu cầu gì đối với số tiền trên. Tại hồ sơ xin ly hôn của bà L, ông Khải không đề cập gì đến khoản tiền nợ của ông N.

[5] Do lời trình bày của bà L và người đại diện của bà L có nhiều mâu thuẫn, các chứng cứ Toà án cấp phúc thẩm thu thập không phù hợp với lời trình bày của bà L nên Toà án đã triệu tập người đại diện của bà L để làm rõ nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó có căn cứ để xác định 10 biên nhận ông N ký giúp cho bà L vào năm 2017, thực chất không có việc vay mượn tiền từ bà L. Vì trước thời điểm ký biên nhận thì bà L đã nợ người khác và phải giao nhà để trừ nợ thì không thể có việc bà L còn tiền hay đi vay tiền đưa cho ông N nên người đại diện ông N xác định ông N chỉ ký biên nhận giúp bà L để làm cơ sở đối phó với các chủ nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận kháng cáo của ông N, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu, có nộp tạm ứng được chuyển thu, số tiền còn lại phải nộp tiếp.

Án phí phúc thẩm: ông N không phải chịu, có nộp tạm ứng được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 124/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 1.416.000.000đ (Một tỷ bốn trăm mười sáu triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 54.480.000đ, ngày 02/6/2023, bà L đã nộp tạm ứng số tiền 27.240.000 đồng theo biên lai số 0003669 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được chuyển thu đối trừ, bà L còn phải nộp tiếp số tiền 27.240.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N không phải chịu, ngày 07/11/2023, ông Nguyễn Thành N có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai số 0015755) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi Cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

## **Đinh Cẩm Đào**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

